| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2782/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04/01/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử ngày 27/01/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Minh Ph**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân S**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 491/13, tổ 3, khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Ph có đơn xin vắng mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị Minh Ph trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Xuân S tự tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia

đình hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 09/10/2010 và cháu Nguyễn Nhất Anh, sinh ngày 16/5/2012. Ly hôn, chị Ph đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Sang phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Xuân S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để làm việc, hòa giải và xét xử nên không có lời trình bày*.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:*

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Ph đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân S về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Chị Ph được ly hôn với anh S, về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 09/10/2010 và cháu Nguyễn Nhất Anh, sinh ngày 16/5/2012 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh S vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân S và đề nghị giao các con chung cho chị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định chị Ph là nguyên đơn, anh S là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Xuân S hiện nay đang cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 15/11/2022, chị Ph có đơn xin vắng mặt. Anh Nguyễn Xuân S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phượng và anh Sang.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Ph và anh Nguyễn Xuân S tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân

phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2013 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Ph xác định không còn tình cảm với anh Sang, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Tại biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 28/11/2022 nơi chị Ph và anh S sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ do các đương sự không trình báo. Vợ chồng có 02 con chung.

[4.2] Theo kết quả xác minh tại Công an phường Thống Nhất ngày 05/12/2022 xác định anh S có đăng ký thường trú và hiện nay anh Sang vẫn đi đi về về tại địa chỉ số 491/13, tổ 3, khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Anh S đã được Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh S có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Phượng và anh Sang đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị Ph là có cơ sở chấp nhận

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 09/10/2010 và cháu Nguyễn Nhất Anh, sinh ngày 16/5/2012. Ly hôn, chị Ph đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của chị Ph là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ hiện nay con chung cũng có mong muốn được sống cùng chị Ph nên việc giao con chung cho chị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4.5] Về nợ chung: Không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Ph đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Ph được ly hôn với anh Nguyễn Xuân S.

Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 09/10/2010 và cháu Nguyễn Nhất A, sinh ngày 16/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Nguyễn Xuân S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh S thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Minh Ph đã nộp theo biên lai thu số 0004425 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Đào**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.